

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS-PT
Ngày: 22/02/2023
V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Hà Nam

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Như

Ông Ngôn Ngọc Viên

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Nha- Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2022/TLPT-DS ngày 24/10/2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc bị kháng cáo,

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hứa Tuấn M, sinh năm 1967; Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Quang H và ông Nguyễn Mạnh Th1- luật sư thuộc văn phòng luật sư H, đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Tầng 6 (phòng 601) tòa nhà số 2, ngõ 1 Phùng Chí Kiên, phường N8 Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Luật sư H vắng mặt, có đơn đề nghị xử vắng mặt, luật sư Th1 có mặt.

Bị đơn: Bà La Thị Th; Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Hà Thị B1 và luật sư Hoàng Minh N - Văn phòng Luật sư Hoàng M N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng và Luật sư Nguyễn Đắc Thực - luật sư thuộc công ty luật TNHH M

Thư, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Tầng 4, C16-NV5, ô số 21 KĐT mới Hai bên đường Lê Trọng Tấn, xã La Phù, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Vắng mặt luật sư N, luật sư B1, Th2 có mặt.

Người có quyền lợi N8 vụ L5 quan:

- Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức H2 - chủ tịch UBND thị trấn B. Vắng mặt.

- Ông Hứa Anh V, sinh năm 1965. Địa chỉ: Khu 3 thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt ủy quyền cho: Ủy quyền cho ông Hoàng Đình H3, sinh năm 1994. địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng, (theo giấy ủy quyền ngày 11/12/2022; ông H3 có mặt.

- Bà Hứa Thị S, sinh năm 1956

Địa chỉ: Thôn S, xã H5, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

- Hứa Xuân N2, sinh năm 1957

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Hứa Văn K, sinh năm 1960 (đã chết). Người kế thừa quyền và N8 vụ tố tụng: Bà Trương Thị D, chị Hứa Thị H3, anh Hứa Văn H4, cùng địa chỉ: Thị trấn M, huyện L, tỉnh Cao Bằng. Anh H4 có mặt, bà D, chị H3 vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Ông Linh Trần T, sinh năm 1959; Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt

+ Ông Tô Quang Th4, sinh năm 1959; Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1951; Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Có mặt

+ Bà Hoàng Thị L3, sinh năm 1948; Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Có mặt

+ Ông Nguyễn Chí T1, sinh năm 1962; Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Có mặt

+ Ông Trần Việt D1, sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt

+ Bà Trần Thị L5, sinh năm 1971; Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Có mặt

+ Bà Hứa Xuân Th4, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt

+ Bà Hứa Thị Th6, sinh năm 1952; Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng; có mặt

+ Ông Lương Sao H6, sinh năm 1945; Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Có mặt

+ Ông Lê Thanh A, sinh năm 1958; Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Có mặt

+ Bà Dương Thị L3, sinh năm 1960; Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Có mặt

+ Bà Đàm Thị Th8, sinh năm 1959; Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Có mặt

+ Bà Hoàng Thị N8, sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng; có mặt

+ Ông Khấu Đ; Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt

+ Bà Vũ Thị L8, sinh năm 1966; Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng; có mặt

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Hứa Tuấn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/02/2020, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hứa Tuấn M trình bày:

Ông sinh ra và lớn lên ở thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Năm 1989 bố mẹ ông chia cho ông một mảnh đất với diện tích phân ngang mặt đường là 31m (Ba mươi một mét), tương ứng với ta luy âm là 31m (Ba mươi một mét). Mảnh đất này bố mẹ ông khai phá vào năm 1961. Phía bên ta luy dương chuyên trồng mía và sắn, bên ta luy âm dùng để tập kết mía vào những mùa thu hoạch và để xe trâu, phân chuồng, phía dưới vực trồng tre, nhưng không sống được, ngoài ra không trồng được cây gì.

Phía ta luy dương hiện đã chuyển thành đất nhà, phía ta luy âm có tổng chiều dài 31m (Ba mươi một mét) cháu ông (là Hứa Xuân Th4) đã sử dụng một phần hiện giờ chỉ còn 22,1m (Hai mươi hai phẩy một mét), chiều sâu khoảng 15m (Mười năm mét) là phần đất đang tranh chấp, đất đang tranh chấp có địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Vị trí của thửa đất: Một mặt giáp đường quốc lộ 34, một mặt giáp sông Gâm. Một phía giáp đất của ông Linh Trần T (địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn B, huyện B); một phía tiếp giáp với đất ông Nguyễn Chí T1 (địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn B, huyện B).

Năm 2014 ông bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 07 (Bảy) năm 04 (tháng) tù. Đến ngày 13/8/2019 ông chấp hành án xong và quay trở về địa phương thì thấy mảnh vườn của ông bị rào vào, hỏi mọi người mới biết do bà La Thị Th rào. Trên đất đó bà Th trồng chuối. Ông gọi bà Th đến nhà để thương lượng, nhưng bà Th không đồng ý nên ông viết đơn khiếu nại lên Ủy ban nhân dân thị trấn B và được tổ chức hòa giải vào ngày 16/10/2019. Trong buổi hòa giải Chủ

tịch ủy ban nhân dân thị trấn đề xuất chia đôi, mỗi người một nửa và được tất cả thành viên hội đồng hòa giải nhất trí, ông cũng đồng ý vì cháu của ông làm rể nhà bà Th nhưng bà Th không đồng ý nên buổi hòa giải đã không thành. Ủy ban nhân dân thị trấn đề nghị lên cấp trên giải quyết. Hiện nay ông cũng không đồng ý với phương án chia đôi nữa và yêu cầu Tòa án công nhận cho ông được toàn quyền sử dụng mảnh đất đang tranh chấp này.

2. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Văn K10 trình bày:

Thửa đất số 45 tờ bản đồ số 14 tại tổ dân phố 6, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng có nguồn gốc từ bố mẹ ông Hứa Tuấn M đã khai hoang từ năm 1960-1961 và đến năm 1989 các cụ đã giao cho ông Hứa Tuấn M quản lý, sử dụng. Năm 2019 ông Hứa Tuấn M phát hiện bà La Thị Thắng đến chôn cột bê tông, giăng lưới làm hàng rào chiếm thửa đất của ông M do vậy ông Hứa Tuấn M đã làm đơn yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết về việc tranh chấp đất đai, tại các lần hòa giải tại Ủy ban nhân dân thị trấn Bảo Lạc có đầy đủ các thành phần tham gia NH hoà giải không thành. Do vậy ông Hứa Tuấn M đã khởi kiện tại Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông đối với quyền sử dụng đất của ông và gia đình.

Tại Biên bản hoà giải tranh chấp đất đai ngày 16/10/2019 của Ủy ban nhân dân thị trấn B, đã ghi ý kiến của bà La Thị Th như sau: "Ông M có nói là trồng chuối và trồng tre ở khu đất, nhưng tôi đi lại và canh tác ở đó từ năm 1989, chưa thấy ai nói và canh tác canh gì ...Tôi đã đóng cọc bê tông từ năm 2014, nhưng đến tháng 8/2019 tôi mới rào B40". Như vậy, bà Th thừa nhận bà mới đi lại và canh tác ở đó từ năm 1989, chưa thấy ai canh tác gì. Thực tế, không có tài liệu nào thể hiện việc năm 1989 bà Th có canh tác gì trên thửa đất tranh chấp này.

Thời gian bà Th đóng cọc bê tông năm 2014 và đến năm 2019 mới rào lưới B40 là phù hợp với khoảng thời gian ông M đang tập trung cải tạo; không có mặt tại địa phương nên ông M không thể biết thửa đất của gia đình mình đang canh tác đã bị bà La Thị Th đóng cọc, giăng lưới để chiếm đất.

Căn cứ vào lời khai của những người đã sinh sống lâu đời tại thị trấn B như cụ Nông Văn Ph, bà Nguyễn Thị N, bà Hoàng Thị L3, ông Nguyễn Chí T1 những người này đã viết giấy xác nhận và cam đoan làm chứng về quyền sử dụng đất đó là của gia đình ông Hứa Tuấn M đã khai hoang và sử dụng L5 tục từ năm 1961 đến nay.

Tại Bản án dân sự số: 08/2020/DS-ST ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, trang 18, 19 phần Nhận định của Tòa án đã ghi như sau:

"Lời khai của ông Hứa Tuấn M: Phần đất của ông T1, bà L8 (con cụ Phạm Thị Diệu) có vị trí tiếp giáp ngược về phía thị trấn là ngay liền kề nhà tôi nên tôi biết rõ đất là của mẹ ông T1 khai phá".

Bút lục số 146 của Tòa án ghi lời khai của ông Hứa Tuấn M sinh năm 1967, cư trú tại tổ dân phố số 11, thị trấn B xác nhận như sau: "Mẹ tôi là bà Cung Thị Mùi có mảnh vườn tiếp giáp với bà Phạm Thị Diệu là mẹ của ông T1, tại khu 8,

thị trấn B; cùng nhau canh tác từ năm 1961 đến nay...tôi xác nhận mảnh vườn ta luy âm và ta luy dương đang liền kề với mảnh vườn của tôi là của ông T1, bà L8 khu 4 B".

Tại phiên toà ngày 04/9/2020, đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân thị trấn B là ông Nguyễn Đức H2 đã phát biểu: "Từ trước khi mở rộng đường Quốc lộ 34, khi đó con đường nhỏ, hẹp lắm. Mặc nhiên là gia đình nào cũng sử dụng phần đất cả hai bên đường taluy dương và âm; thẳng phần đất của nhà nào bên ta luy dương thì đóng thẳng xuống ta luy âm sát bờ sông dùng để xe trâu, xe ngựa và các đồ dùng sản xuất; trồng tre và mía".

Lời khai, lời cam đoan của những người làm chứng, những người dân sinh sống lâu đời tại thị trấn B; biết rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với thửa đất đang bị tranh chấp; là những T1 tiết, sự kiện rõ ràng mà mọi người đều biết và được Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng thừa nhận. Đó là những T1 tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Như vậy xét về góc độ pháp lý, tính hợp lý thì không có cơ sở, không có căn cứ nào để cho rằng bà La Thị Th đã khai hoang thửa đất tranh chấp với gia đình ông Hứa Tuấn M tại tổ dân phố số 6, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Thứ nhất: Tuyên quyền sử dụng đất tại thửa đất đang có tranh chấp tại tổ dân phố 6, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Hứa Tuấn M, do được thừa kế quyền sử dụng đất của ông, cha khai hoang từ năm 1961 để lại; Buộc bà La Thị Th phải tháo dỡ toàn bộ các cột bê tông và hàng rào lưới B40 đã dựng trA phép trên thửa đất của ông Hứa Tuấn M. Bà La Thị Th phải di chuyển toàn bộ các vật liệu cột bê tông và lưới B40 ra khỏi thửa đất của gia đình ông Hứa Tuấn M; Trả lại nguyên trạng toàn bộ diện tích đất đã lấn, chiếm của gia đình ông Hứa Tuấn M theo quy định của pháp luật. Thứ hai: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận giao dịch chuyển nhượng đất đai giữa bà La Thị Th và ông Khấu Văn Đ; Buộc ông Khấu Văn Đ phải trả lại diện tích đã nhận chuyển nhượng trái phép cho ông M.

3. Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà La Thị Th trình bày:

Năm 1978 bà công tác tại trường dân tộc nội trú huyện B tại tổ dân phố 5, thị trấn B, bà lập gia đình và sinh sống tại tổ dân phố 5 (trước đây là tổ dân phố 8), thị trấn B đến bây giờ. Bà thường xuyên đi trên đường quốc lộ 34, thấy đoạn lề đường giao thông dọc theo bờ sông rậm rạp không có ai sử dụng nên đến năm 1989 chồng bà là Nguyễn Hữu Nhung cùng em của bà là La Hồng Quang có khai phá một mảnh đất hoang giáp bờ sông Gâm, chỗ này ta luy dốc nên chỗ nào có đất thì trồng chuối và rau lang để chăn nuôi, trồng tre. Hàng năm bà vẫn phát cỏ, hiện nay vẫn còn bụi tre gần quán phở Đồng. Đến năm 2004 có dự án làm đường Quốc lộ 34, sau khi thi công san gạt mặt bằng một số chuối bị lấp còn lại tre, một bụi tre bị trôi xuống bờ sông. Sau khi đường hoàn thành một thời gian sau bà tiếp

tục trồng chuối, sau các khóm chuối là ta luy dốc không trồng được cây gì. Trong quá trình bà canh tác không có ai đến nhắc nhở bà là đất của ông M và cũng không thấy ông M bảo là đất của ông. Đến năm 2014 bà đúc và chôn cột bê tông để làm hàng rào nhưng cũng không có ai có ý kiến gì. Đến tháng 8/2019 bà cho con rể bà là Vương Thế Thuận lấy dây thép B40 và hai người làm thuê nữa rào lại, trong khi đang làm thì bà L5 (vợ ông M) ra nói chuyện về việc nhờ đất làm lán để xe ô tô. Đến chiều ngày 27/9/2019 ông M gọi điện cho con rể bà là Nông Bằng Du ra nhà ông để nói chuyện và khẳng định đất đó là của ông làm từ xưa. Con rể bà có nói đó là đất của bà canh tác, từ đó ông M không gặp bà để nói chuyện lần nào cả.

Tại buổi hòa giải của Ủy ban thị trấn B, Chủ tịch ủy ban nhân dân thị trấn B có ý kiến chia đôi đất đang tranh chấp nhưng bà không đồng ý vì trong suốt quá trình canh tác không có ai nói đất đó là của ông M và ông M cũng không đến nhắc nhở bà không được trồng chuối, trồng dây Lang trên đất này.

Đất đang tranh chấp có địa chỉ tại: tổ dân phố 6, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Có vị trí tiếp giáp như sau: Một phía giáp đường quốc lộ 34, một phía giáp bờ sông Gâm, một phía giáp đất ông Lê Thanh A, một phía giáp đất Hứa Thị Th4. Đất có diện tích bao nhiêu bà không rõ. Năm 2013 nhà nước có đến đo đạc đất, bà có ý định làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nH do đất ở lề đường, diện tích không đủ nên không được cấp. Hiện trạng đất đang tranh chấp hiện nay có rào thép B40 và có trồng chuối, bụi tre trên đất. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông M vì đất đó bà đã canh tác hơn 30 năm.

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Hà Thị B1 trình bày: Lời khai của bà Trần Thị L5 là vợ của ông M khai: "Bà kết hôn với ông M năm 1986, bà L5 không biết nguồn gốc đất, năm 2007 vợ chồng bà L5 được bố mẹ chồng chia cho thửa đất bên ta luy dương khi chia đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2013 gia đình san gạt đất đến 2014 xây nhà, ta luy âm không làm gì, không quản lý. Tre và chuối ở phía ta luy âm không biết ai trồng, khi bà Thắng rào vườn tôi không nói gì, cũng không ngăn cản".

Hai vợ chồng ông M đang sống chung tại thửa đất đối diện ngay với thửa đất của bà Thắng đang canh tác, ngay trước cửa nhà, nếu là đất của ông M đã từng trồng cây như tre, chuối đối diện trước nhà không lẽ bà L5 không biết. Và nếu biết đó là đất của gia đình ông M thì khi thấy bà Thắng canh tác, nếu không ngăn cản thì tại sao bà L5 cũng không thông tin cho chồng con, người nhà biết để có ý kiến với bà Thắng rằng đó là đất của nhà mình, nhưng qua lời khai của bà L5 cho thấy: Gia đình bà L5, ông M không hề có bất cứ hoạt động gì như trồng trọt, quản lý, phản đối khi có người đến canh tác thể hiện quyền quản lý sử dụng của mình trên thửa đất đó.

Ngoài ra lời khai của chính ông M cũng mâu thuẫn với lời khai của bà L5, như đã nêu trên; ông M cho rằng được thừa hưởng mảnh đất hiện tại đang ở năm 1989, đến năm 1992 bắt đầu trồng chuối, tre. Còn bà L5 khai được bố mẹ chồng chia mảnh đất hiện tại đang ở năm 2007, và đã san gạt, làm nhà ở phần ta luy dương, ta luy âm không quản lý, tre chuối không biết ai trồng.

Điều đó khẳng định: Chính ông M và vợ ông M cũng không hề có bất cứ hoạt động gì trên thửa đất đang tranh chấp.

Phía nhân chứng nguyên đơn Hứa Tuấn M:

Ông Nông Xuân Phúc là người sinh ra và lớn lên tại thị trấn Bảo Lạc xác nhận: Khu đất tại km1 đường Bảo Lạc - Bảo Lâm gia đình Cung Thị Mùi, Phạm Thị Diệu, Linh Trần Khánh khai phá trồng mía ép đường từ năm 1963. Lời khai trên rất sơ sài, chỉ nói là trồng mía, không nói rõ là trồng mía cụ thể ở chỗ nào; trồng phía trên đường (bên đường) hay trồng mía ở dưới đường. Chỉ xác nhận khu đất, không nói rõ phần nào, dương hay âm, vì hiện đang tranh chấp là phần ta luy âm, còn nhà gắn liền với đất của ông M là ở bên dương, do đó chứng cứ này không đủ căn cứ chắc chắn để xem xét.

Ông Nguyễn Chí Tình xác nhận: Tôi làm chứng cho mảnh đất vườn đôi diện nhà ông M sinh năm 1967 cách quốc lộ 34 phía ta luy âm là mảnh vườn của bố mẹ ông M để lại, bố mẹ ông M canh tác liền kề với mảnh vườn của bố mẹ tôi canh tác từ những năm 1961. Mâu thuẫn ở đây rất rõ: Ông Nguyễn Chí Tình sinh năm 1962 mà biết được bố mẹ ông Tình canh tác vườn liền kề với đất của bố mẹ ông M canh tác từ năm 1961.

Nhân chứng Nguyễn Thị Ngọc xác nhận: Có một ngôi mộ ở km1 hàng năm đều đi thanh M nên biết rõ đám đất này trước đây là của bà Cung Thị Mùi và gia đình đã trồng mía ở đây, từ xưa đến nay phần đất trên đường của ai thì phần dưới đường là của người đó. Như vậy, phần mộ của gia đình bà Ngọc ở trên đồi, phần ta luy dương và bà đi tảo mộ mỗi năm một lần nên bà biết bà Mùi có đám đất, và đám đất đó hiện nay ông M đã dựng nhà và đang ở đó. Còn bà N trình bày quy luật bất thành V của người dân lâu năm sinh sống ở thị trấn B thì đất trên ta luy dương như thế nào thì phía ta luy âm như thế đó là không có căn cứ.

Ngoài ra, lời khai của bà Hoàng Thị L3 cũng mâu thuẫn với lời khai ông M, bà L3 nói gia đình bà L3 bán đất cho mẹ ông M, còn ông M nói đất do bố mẹ ông M khai hoang. Bà L3 trình bày đất trên đường là của ai thì phần dưới cũng là của người đó là không có căn cứ.

Như vậy các nhân chứng của phía nguyên đơn không khách quan, không rõ ràng, cụ thể chỉ xác nhận đất là của ông M, nhưng không nói rõ phần đất bên ta luy âm hay dương.

Còn các nhân chứng sinh sống lâu năm, thường xuyên qua lại đất tranh chấp như ông Lương Sao H6, ông Lê Thanh A, bà Đàm Thị Th8 tại phiên tòa đều khẳng định vợ chồng bà Th canh tác trồng chuối, trồng dây lang trên đất tranh chấp này, đất thuộc bên ta luy âm dốc. Nhân chứng Hứa Xuân Th4 (cháu của ông M) cũng khẳng định đã sinh sống gần khu đất tranh chấp từ năm 2007 đến nay và chỉ thấy bà Th canh tác trên đất tranh chấp này. Ông Đồng cũng thừa nhận là được bồi thường tiền hoa màu cho gia đình bà Kiểm ông A và bà Th. Ngoài ra, các nhân chứng khác vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong hồ sơ điều tra khai nhìn thấy bà Th canh tác trên đất tranh chấp này.

Từ những phân tích trên, đề nghị hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện. Quyền sử dụng đất thửa đất số 45 tờ bản đồ số 14 tại tổ dân phố 6, thị trấn Bảo Lạc, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng giữa ông Hứa Tuấn M và bà La Thị Thắng thuộc quyền sử dụng của bà La Thị Thắng. Buộc ông Hứa Tuấn M không được tranh chấp, cản trở việc sử dụng thửa đất trên của gia đình bà La Thị Thắng.

5. Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ông Linh Trần T trình bày: Ông có xác nhận bút tích cho ông Hứa Tuấn M theo như tài liệu ông M cung cấp, nhưng ông chỉ xác nhận từ năm 1979 trở về trước do gia đình bố mẹ ông có làm vườn mía liền kề gia đình ông M. Sau năm 1979 đến nay thì gia đình ông đã không canh tác tại thửa đất này nữa. Hiện tại ông cũng không biết rõ ranh giới phần đất liền kề từ chỗ nào, vị trí hiện nay cũng không xác định được, chỉ nhớ trước đây là một dải liền kề nhau. Ông chỉ xác nhận cho ông M từ năm 1979 trở về trước còn về sau đến hiện nay thì ông không biết, không xác nhận.

6. Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa người làm chứng ông Nguyễn Chí T1 trình bày: Ngày xưa các cụ đi làm vườn tại tổ dân phố 5 hiện nay canh tác hoa màu, phía đối diện mảnh vườn trên là mảnh vườn dưới là do bố mẹ ông Hứa Tuấn M thường xuyên sử dụng để xe trâu, củi và mía giáp liền kề với mảnh vườn của gia đình ông. Phía ta luy âm đối diện nhà ông M là của bố mẹ ông M để lại cho ông M. Bố mẹ ông và bố mẹ ông M đi làm vườn cùng nhau ở khu vực đó và có chỉ cho biết phía bên trên đường là của ai thì phía dưới đường tương ứng là của gia đình đó quản L3. Các phía tiếp giáp của đất đang tranh chấp như sau: Một phía tiếp giáp đất của cháu ông M là Hứa Thị Th4, một phía giáp đường quốc lộ 34, một phía giáp bờ sông, một phía giáp đất của ai ông không rõ. Ông khẳng định đất đang tranh chấp là của ông M do bố mẹ ông M quản L3 và sử dụng từ ngày xưa.

7. Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa người làm chứng bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà có xác nhận bút tích cho ông M theo như tài liệu ông M cung cấp cho Tòa án. Bà xác nhận bà đến sinh sống ở thị trấn B từ năm 1971, bà không sinh sống gần đất của bà Mùi tuy nhiên gia đình bà có một ngôi mộ ở gần đất của bà Mùi tại tổ dân phố 11 (hiện nay là tổ dân phố 6). Năm nào nhà bà cũng đi thanh M ngôi mộ này. Trước đây đất của bà Mùi trồng mía gồm hai phần, phần trên đường và phần dưới đường, phần trên đường như thế nào thì dóng xuống phần dưới đường như vậy. Phần đất đang tranh chấp giữa ông M và bà Th là phần dưới đường. Từ xưa đến nay theo luật bất thành V của người dân sống lâu đời tại thị trấn B thì phần đất của ai bên trên đường thì phần dưới đường là của người đấy, chính Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B ông Nguyễn Đức H2 cũng thừa nhận như vậy. Bà khẳng định phần đất đang tranh chấp là đất của ông M.

8. Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa người làm chứng bà Trần Thị L5 trình bày: Bà là vợ của ông Hứa Tuấn M. Về nguồn gốc đất đang tranh chấp bà không biết, đất do bố mẹ của ông M chia cho hai vợ chồng từ năm 2007. Khi chia đất không ra Th2 địa chỉ đất mà chỉ ở nhà làm giấy tờ chia đất cho các con ở phần ta luy dương, còn phần ta luy âm thì mẹ của ông M có nói ta luy dương đến

phần nào thì ta luy âm đến phần đấy. Năm 2013 bà san gặt phần ta luy dương thành nền nhà và đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hai vợ chồng, đến năm 2014 thì xây nhà, phần ta luy âm đối diện bà không quản L3. Đến năm 2019 bà Th rào phần đất này vào, bà là phận làm dâu nên ông M đi chấp hành án về mới nói chuyện với bà Th. Bà không biết các phía tiếp giáp của đất đang tranh chấp và không biết diện tích bao nhiêu vì mọi thứ đều do ông M làm. Hiện nay trên đất đang tranh chấp có khoảng 3-4 bụi chuối, tre bà không biết ai trồng, rào mắt cáo là do bà Th rào. Khi nhà bà Th đến rào bà không nói gì và cũng không ngăn cản.

9. Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Hứa Xuân Th4 trình bày: Đất đang tranh chấp có một phía tiếp giáp đất của bà, là phần đất bên ta luy âm, một mặt giáp đường quốc lộ 34, một phía giáp sông Gâm. Từ năm 2007 bà sinh sống tại đây thì thấy bà Th canh tác trên đất này.

10. Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa người làm chứng ông Lê Thanh A trình bày: Ông không biết sự việc đang tranh chấp đất giữa ông M và bà Th. Đất bà Th đang canh tác có một phần tiếp giáp đất của ông gần quán phở N8 Đồng. Quán phở Đồng này có một phần đất là vợ chồng ông chuyển nhượng cho vợ chồng N8 Đồng, vì đất chưa có bìa đỏ nên vợ ông là bà Nguyễn Thị Kiềm (hiện nay đã chết) nhận tiền bồi thường đối với hòa màu trồng trên đất với Khấu Văn Đ. Theo ông được biết phần đất còn lại do bà Th chuyển nhượng lại cho vợ chồng Khấu Văn Đ và Hoàng Thị N8. Khi Ủy ban nhân dân thị trấn B giải quyết thì ông mới biết sự việc tranh chấp giữa ông M và bà Th.

11. Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa người làm chứng bà Đàm Thị Th8 trình bày: Bà sinh sống tại tổ dân phố 8 (hiện nay là tổ dân phố 5), thị trấn B từ năm 1983 đến nay. Từ khi bà về sinh sống tại đây chỉ thấy ông Nhung (chồng của bà Th) đi trồng tre, chuối trên đất đang tranh chấp. Sau đó bà Th cũng trồng dây Lang và chuối trên đất này. Đất dốc, ít đất nên chỗ nào có đất mới trồng được. Từ năm 1983 đến nay chỉ có bà Th canh tác, không có ai tranh chấp, gần đây bà mới nghe tranh chấp với ông M.

12. Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Dương Thị L3 trình bày: Từ năm 1984 bà là giáo viên của Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện B, tỉnh Cao Bằng. Bà lập nghiệp và sinh sống tại đây đến thời điểm hiện nay. Khi bà đến công tác thì đất là đất vực, ta luy âm ven sông rậm rạp, dây leo chằng chịt. Thời điểm đó đường cấp phối hẹp. Bên ta luy âm vẫn có lề đường khoảng 02m (Hai mét) và hiện nay là cống nước gần lề đường. Sau đó thấy bà Th khai hoang canh tác L5 tục đến nay, còn canh tác từ thời gian nào bà cũng không nhớ. Khi vợ chồng N8 Đồng làm phở, đã chấp nhận bồi thường một khoản tiền cho bà Th nH bà không biết bồi thường cụ thể bao nhiêu tiền. Thời điểm bà Th canh tác thì ông M chưa về sống tại tổ dân phố 6 (trước đây là tổ dân phố 11), thị trấn B. Khoảng năm 1988, 1989 có em trai bà Th là La Hồng Quang và chồng bà Th là ông Nguyễn Nhung khai phá từ phần ta luy âm gần cầu hướng lên thị trấn. Sau đó bà Th mới đi khai hoang mở rộng lên trồng cây hoa màu. Những năm đó khu vực đấy chưa có nhà nào cả. Từ xưa đến nay chỉ có bà Th canh tác trên đất tranh chấp này.

13. Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa người làm chứng ông Lương Sao H6 trình bày: Ông có biết ông M và bà Th, biết cả bố mẹ của ông M. Từ năm 1981 ông về sinh sống tại tổ dân phố 5 (trước đây là tổ dân phố 8), thị trấn B, huyện B đến nay. Năm 1966 ông đến B công tác tại Phòng Nông nghiệp huyện B, đến năm 1993 ông về nghỉ hưu. Đất đang tranh chấp trước đây bỏ hoang, là vực thẳm. Sau đó ông Nhung (chồng bà Th) và ông Quang (em trai bà Th) đi khai hoang trồng tre. Vào khoảng những năm 1988, 1990 ông còn được nói "đất dốc như thế mà trồng làm gì" và cháu Quang, cháu Nhung có nói "trồng được cây gì cứ trồng". Hiện nay đất đang tranh chấp có mấy bụi chuối và bụi tre là do bà Th trồng.

14. Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Hứa Thị Th6 trình bày: Bà sinh sống tại tổ dân phố 5 (trước đây là tổ dân phố 8), thị trấn B, huyện B từ năm 1978 đến nay. Về nguồn gốc đất đang tranh chấp do trước đây chồng bà Th có trồng tre ở đó và không có tranh chấp, đất dốc chỉ trồng dây lang men theo lề đường. Sau năm 2002 nhà nước mở rộng đường, gạt đất xuống phần ta luy âm mới có tỹ đất những đất vẫn còn dốc. Chuối và tre trên đất là do bà Th trồng. Trước khi ông M xuống đây sinh sống thì không có ai tranh chấp với bà Th. Bà sống ở đây đây hơn bốn chục năm cũng không thấy ông M xuống phát cỏ. Bà khẳng định chỗ đất này là đất bà Th đã canh tác lâu năm.

15. Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Trần Việt D1 trình bày: Ông là người quen của bà La Thị Th và ông Hứa Tuấn M. Bút tích trong giấy xác nhận ngày 30/9/2019 với tư cách là người làm chứng cho ông Hứa Tuấn M không phải là chữ viết của ông, ông M đem đến cho ông ký xác nhận, ông M có thông qua nội dung cho ông, ông thấy nội dung không ảnh hưởng đến ai nên ông ký tên, thời điểm ông ký vào giấy xác nhận là khoảng tháng 5, tháng 6 năm 2021. Năm 2019 ông M có mang giấy đến cho ông ký làm chứng vì ông cũng có đất ở gần khu đất ông M, nhưng đất của ông không liền kề đất ông M mà cách một khoảng 50 mét đến 100 mét. Sự việc tranh chấp giữa ông Hứa Tuấn M và bà La Thị Th ông không biết.

16. Trong biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa người làm chứng bà Hoàng Thị L3 trình bày: Bà biết sự việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Hứa Tuấn M và bà La Thị Th từ khi Tòa án triệu tập bà đến làm chứng tham gia phiên tòa. Phần tranh chấp đất là phần ta luy âm dưới đất rẫy nhà bà, chỉ cách một con đường quốc lộ từ thành phố đi thị trấn Pác Miêu, huyện Bảo Lâm. Vị trí tiếp giáp: phía trước tiếp giáp đường quốc lộ từ thành phố đi thị trấn Pác Miêu, huyện Bảo Lâm; phía bên phải tiếp giáp đất nhà L8 T1; phía bên trái tiếp giáp đất nhà Lữ Thị Tiên. Trong giấy xác nhận nhân chứng bà trình bày: Cha mẹ bà có để lại cho bà mảnh vườn ở trên mảnh vườn của bà Cung Thị Mùi, nay do Hứa Tuấn M quản lý nên bà biết rõ mảnh đất này. Mảnh vườn đây là do bà Lục Thị Phụng (mẹ đẻ của bà) bán cho là mẹ chồng của bà Cung Thị Mùi (bà không nhớ tên). Sau đó bà Cung Thị Mùi chết để lại cho Hứa Tuấn M quản lý, sử dụng. Mảnh vườn này mẹ bà để lại có ta luy dương dài bao nhiêu thì có quyền quản lý phần ta luy âm dài bấy nhiêu. Phần trên như thế nào thì phần dưới dọc theo như thế. Mảnh vườn có con đường quốc lộ đi thành phố Cao Bằng đến thị trấn Pác Miêu, huyện Bảo Lâm

xuyên qua giữa. Bà khẳng định phần đất tranh chấp giữa ông M và bà Th thuộc sở hữu của ông M. Bà cam đoan lời khai của bà là đúng sự thật.

17. Trong biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Tô Quang Th4 trình bày: Vào năm 2019 ông Hứa Tuấn M đến nhờ ông ký xác nhận là người làm chứng. Thời điểm đó ông chỉ ký và ghi họ tên ngoài ra không viết gì thêm. Khoảng một hoặc hai tháng gần đây ông M có đến nhờ ông viết giấy xác nhận nhận trong bản giấy xác nhận ông ghi ngày 30/9/2019 vì trước đây ông có được ký vào năm 2019 như ông trình bày. Còn giấy xác nhận bản viết tay bút tích của ông thì ông M mới nhờ ông viết vào khoảng tháng 5, tháng 6 năm 2021. Nội dung ông xác nhận là trước năm 1979 ông Hứa N Thành có đất tại khu vực này, còn sau năm 1979 do đi sơ tán. Khoảng năm tám mấy mới quay về đến nay không biết khu đất của ông Hứa N Thành là do ai quản L3. Trong giấy xác nhận ông ghi "Nay thuộc về ông Hứa Tuấn M quản lý, sử dụng" do thời điểm viết thì ông M có bảo ông ghi như thế vì trước năm 1979 ông Hứa N Thành (bố của ông M) có đất tại khu này. Ông cam đoan lời khai là đúng sự thật và ông chỉ xác nhận là trước năm 1979 là có đất của ông Hứa N Thành tại khu đất này còn sau năm 1979 là đất của ai ông không biết.

18. Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Khẩu Văn Đ trình bày: Ngày 19/7/2019 tại nhà bà Nguyễn Thị Kiểm ông được giao tiền cho bà Nguyễn Thị Kiểm (đã chết) và bà La Thị Th mỗi người là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Có ông Nông Văn Hành - Công an viên đi theo làm chứng và T hành lập giấy đo khoảng năm 2013, năm 2014 ông có dựng sàn để củi tại phần đất đối diện nhà ở ông hiện nay là phía ta luy âm. Vào khoảng năm 2014 ông dựng cột trụ sắt làm nhà ông là quán phở hiện nay. Sau đó bà Th và bà Kiểm (vợ ông Lê Thanh A) có đề nghị lãnh đạo khu gọi gia đình ông đến làm việc vì cho rằng ông dựng quán phở lên đất của bà Th và bà Kiểm. Thời điểm đó ông đồng ý trả cho bà Th và bà Kiểm mỗi người 10.000.000đ (Mười triệu đồng), tuy nhiên ông chưa thanh toán. Đến năm 2019 bà Th và bà Kiểm yêu cầu khu gọi gia đình ông đến làm việc vì ông chưa thanh toán tiền cho mỗi nhà nên bà Th và bà Kiểm yêu cầu gia đình ông phải thanh toán thêm 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Khi trả tiền có ông Hành đi cùng ông để làm chứng và viết giấy về việc giao nhận tiền. Khi ông làm chỗ để củi và quán phở chỉ có bà Th và bà Kiểm đến nhắc nhở, ngoài ra không có ai. Khoảng cuối năm 2011 đầu năm 2012 gia đình ông đến sinh sống tại đây. Còn thời điểm đó gia đình ông M và bà L5 chưa san đất nền, ông M và bà L5 xây nhà vào thời gian nào ông không nhớ rõ. Từ khi ông đến làm quán phở chỉ có bụi tre. Sau đó bà Th mới đến trồng chuối, vì thời gian đã lâu nên ông không nhớ rõ là vào thời gian nào. Ông cam đoan lời khai là đúng sự thật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng đã Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 92, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 100, Điều 203 Luật Đất đai; Căn cứ Điều 18, Điều 21, Điều 91 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều thi hành của Luật đất đai

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L3 và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Tuấn M.

2. Giao cho bà La Thị Th toàn quyền quản lý, sở hữu, định đoạt thửa đất số 45, tờ bản đồ số 14, địa chỉ tổ dân phố 6, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Theo biên bản xem xét thẩm định: bề ngang theo mặt đường Quốc lộ 34 là 22m; Các phía tiếp giáp như sau: một phần tiếp giáp với đường Quốc lộ 34, một phần tiếp giáp bờ Sông Gâm, một phần tiếp giáp lô đất số 56, một phần tiếp giáp lô đất số 37 - Theo sơ đồ địa chính của tờ bản đồ số 14)

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/9/2022 nguyên đơn Hứa Tuấn M có đơn kháng cáo không nhất trí với toàn bộ bản án sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là ông Nguyễn Mạnh Th thống nhất trình bày: Tòa án sơ thẩm khi giải quyết vụ án chỉ căn cứ vào những lời khai của bên phía bị đơn, Tòa án nhân dân huyện B đã không tôn trọng, ghi nhận ý kiến của những người cao tuổi sống gần khu đất có tranh chấp, biết rõ về quá trình quản lý sử dụng thửa đất của gia đình tôi. Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của tôi mà tuyên cho bà La Thị Th được quyền sử dụng phần đất đang tranh chấp là không chính xác, không đúng quy định của pháp luật.

Thửa đất đang tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm không đưa anh chị em ông M còn sống, và người kế thừa quyền và N8 vụ của người có quyền lợi và N8 vụ L5 quan đã chết vào tham gia tố tụng là thiếu sót.

Ý kiến của bị đơn La Thị Th và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, nhất trí với bản án sơ thẩm, đề nghị HĐXX phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bà Th trình bày bà và chồng bà kết hôn hợp pháp, hiện nay chồng bà đã chết, bà và chồng bà sinh được hai người con đều đã thành niên hiện sinh sống tại địa phương.

Những người có quyền lợi N8 vụ L5 quan trình bày:

Những người có quyền lợi, N8 vụ L5 quan có mặt và người được ủy quyền tham gia tố tụng có cùng quyền lợi với bên Nguyên đơn trình bày, về nguồn gốc thửa đất do bố mẹ, cha ông để lại như nguyên đơn trình bày, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm đã không được tòa triệu tập tham gia tố tụng nên mất quyền lợi, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại vụ án để đảm bảo quyền lợi cho họ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm:

Tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử, các đương sự đã Th2 hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, HĐXX đã đánh giá chưa chính xác về tài liệu chứng cứ, về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp, thiếu nhiều người có quyền lợi và N8 vụ L5 quan vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng thụ lý vụ án với quan hệ pháp luật “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục kháng cáo:

Bản án sơ thẩm số 05/2022/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện B được tuyên ngày 30/8/2022, ngày 13/9/2022 nguyên đơn Hứa Tuấn M có đơn kháng cáo gửi đến Tòa án. Đơn kháng cáo gửi trong thời hạn luật định và ông M đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo và các căn cứ kháng cáo.

Nội dung kháng cáo: Ông Hứa Tuấn M cho rằng Tòa án sơ thẩm khi giải quyết vụ án chỉ căn cứ vào những lời khai của bên phía bị đơn. Tòa án nhân dân huyện B đã không tôn trọng, ghi nhận ý kiến của những người cao tuổi sống gần khu đất có tranh chấp khai biết rõ về quá trình quản lý sử dụng thửa đất của bố mẹ ông M từ những năm 1960. Ông M đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Xét căn cứ kháng cáo:

Qua quá trình nghiên cứu hồ sơ, sau khi xem xét các lời khai của đương sự và các tài liệu chứng cứ khác đương sự cung cấp tại cấp phúc thẩm, HĐXX thấy

rằng nguồn gốc đất tranh chấp giữa ông Hứa Tuấn M và bà La Thị Th thuộc về bố mẹ của ông Hứa Tuấn M. Bởi lẽ, nguyên đơn và những người làm chứng sống gần khu vực tranh chấp là các ông/bà Nông Xuân Phúc, Nguyễn Chí T1, Linh Trần T, Nguyễn Thị N, Hoàng Thị L3, Tô Quang Th4 đều thống nhất cho rằng: *Đất tranh chấp đã được ông Hứa N Thành, bà Cung Thị Mùi khai phá từ những năm 1960. (Ông Thành, bà Mùi là bố mẹ của ông Hứa Tuấn M).* Mặt khác, khi làm đường quốc lộ 34 thì ông Hứa Anh V (là anh trai ông M) cũng được nhận tiền đền bù giải phóng mặt bằng vào năm 2004. Thửa đất hai bên tranh chấp chưa bên nào được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hai bên không có một trong các giấy tờ quy định tại điều 100 Luật đất đai, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm đã không đưa anh, chị, em ông M (hoặc những người kế thừa quyền và N8 vụ tố tụng của anh chị em ông M đã chết) vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi N8 vụ L5 quan, bà La Thị Th khai bà cùng chồng khai hoang từ năm 1989, (chồng bà Th đã chết), bà Th và chồng có hai người con đã thành niên nhưng cấp sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng là thiếu sót, cấp sơ thẩm không thu thập biên bản thanh toán đền bù giải phóng mặt bằng của cơ quan chuyên môn cho ông Hứa Anh V là thiếu sót, vì đây cũng là một căn cứ để xác định nguồn gốc đất tranh chấp. Mặt khác đặt trường hợp nếu việc sử dụng đất của bà Th là có thật, bà khai năm 1989 cùng chồng canh tác sử dụng (ông Khấu Văn Đ khai năm 2012 bà Th mới chồng cháu), theo quy định của Bộ luật dân sự nếu xác định tháng không rõ ngày thì tính ngày cuối tháng để là căn cứ, nếu xác định năm không nhớ thời gian cụ thể thì ngày cuối của tháng cuối năm được xem là thời điểm sử dụng đất, đến thời điểm ông M khiếu nại giải quyết tranh chấp đất đai (28/9/2019) thời hạn sử dụng đất của bà Th chưa được 30 năm, ngoài ra việc xác định ông Khấu V Đồng là người làm chứng và vận dụng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Th và ông Đồng để làm căn cứ bác đơn khởi kiện của ông M là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. HĐXX phúc thẩm xét thấy những thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông M và những người có quyền lợi và N8 vụ L5 quan, làm mất quyền kháng cáo bản án sơ thẩm và tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, do đó cần chấp nhận kháng cáo của Ông Hứa Tuấn M, hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B tỉnh Cao Bằng.

Quyết định của bản án sơ thẩm tuyên giao đất cho bà La Thị Th là trái thẩm quyền. Thẩm quyền giao đất, cho thuê đất thuộc về UBND cấp huyện. Do vậy cần rút kinh nghiệm cho việc giải quyết các vụ án khác.

[4]. Về án phí: Do bản án dân sự sơ thẩm bị hủy nên đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xác định lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Hứa Tuấn M. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng. Chuyển hồ sơ vụ án cho tòa án nhân dân huyện B tỉnh Cao Bằng giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự: Đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho ông Hứa Tuấn M 300.000đ tiền án phí dân sự theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0001237 ngày 14/9/2022 tại chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- CCTHADS huyện B;
- TAND huyện B;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nông Hà Nam

